

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HSST
Ngày 19/4/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Liên;
2. Ông Nguyễn Minh Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:15/2019/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với:

*** Bị cáo Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đôn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; chồng: Nguyễn Văn G; Con: có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 20/01/2019 đến ngày 29/01/2019, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người bị hại:** Anh Đào Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội; anh T có đơn đề nghị xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1976; anh L có đơn đề nghị xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/01/2019, anh Nguyễn Thanh L – SN 1976 ở thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đi xe ô tô nhãn hiệu I10, BKS 90A – 062.01 chở Nguyễn Thị T – SN 1992 trú tại thôn Đ, xã Đ1, huyện P, thành phố Hà Nội đi từ xóm

4, xã T, huyện K đến thôn Đ, xã M, huyện D để mừng đám cưới. Khi đến cổng thôn Đ, anh L gọi điện cho anh Đào Văn T – SN 1974 ở thôn H, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội, hẹn gặp nhau ở đám cưới. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh T đi xe mô tô đến. Anh T nói với anh L “*Cho anh gửi nhờ cái cặp vào xe ô tô với*”. Anh L đồng ý, cầm chiếc cặp của anh T để vào hàng ghế sau (sau ghế lái), đóng cửa lại rồi cùng anh T đi vào đám cưới. Lúc này, chỉ có mình T trong xe ô tô 90A – 062.01 nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong chiếc cặp của anh T. T quay người lại, nhô mồm dùng tay trái cầm lấy chiếc cặp của anh T để đứng, kéo lên một chút và dùng tay phải kéo khóa ở giữa phía trên chiếc cặp ra, dùng tay trái sờ vào trong chiếc cặp thì thấy có nhiều giấy tờ. T tiếp tục cho tay sâu xuống dưới, thấy có một cọc tiền được buộc bằng dây nịt. T lấy cọc tiền ra và quay người lên phía trước, chiếc cặp vẫn để đứng ở hàng ghế dưới. Qua ánh đèn điện đường, T nhìn thấy một mặt của cọc tiền này có tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó, T dùng tay phải rút một số tờ trong cọc tiền này, T rút bắt đầu từ tờ tiền thứ hai, sau tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng với mục đích không để anh T phát hiện bị mất trộm tiền. T cất số tiền lấy trộm được vào túi quần bên phải đang mặc, cất cọc tiền còn lại vào trong chiếc cặp, kéo khóa và để cặp ở vị trí như ban đầu. Khoảng 30 phút sau, anh L ra lấy chiếc cặp đưa cho anh T để anh T đi về nhà. Anh L tiếp tục chở T ra nhà hàng Q tại phố Nguyễn Hữu T, thị trấn Đ, huyện D để ăn uống với bạn của anh L. Quá trình đi ăn uống, T bỏ số tiền trộm cắp của anh T ra đếm được 8.700.000 đồng, gồm 17 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Sau khi về nhà, anh T kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền là 8.700.000 đồng nên thông báo cho anh L biết. Anh L điều khiển xe ô tô BKS 90A – 062.01 chở T đi về Đồn công an Đ trình báo sự việc.

* *Vật chứng thu giữ gồm:* Thu của Nguyễn Thị T: Số tiền 13.500.000 đồng. Trong đó 8.700.000 đồng là số tiền T trộm cắp được (gồm 17 tờ tiền 500.000 đồng, 04 tờ tiền 50.000 đồng) và 4.800.000 đồng là tiền của cá nhân T (gồm 20 tờ tiền 200.000 đồng, 07 tờ tiền 100.000 đồng, 01 tờ tiền 50.000 đồng, 03 tờ tiền 10.000 đồng, 03 tờ tiền 5000 đồng, 02 tờ tiền 2000 đồng, 01 tờ tiền 1000 đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, số IMEI 1: 863632039873811, số IMEI 2: 863632039873803, phía sau có một ốp nhựa dẻo màu trắng, bên trong có lắp hai sim mạng Viettel, trong đó 01 sim trên bề mặt có dãy số 8984048851000358021, 01 sim trên bề mặt có dãy số: 8984048000011764184; Thu của anh Đào Văn T: 01 chiếc cặp sách màu đen, có hai quai sách, phần miệng cặp có khóa kéo bằng kim loại màu vàng chạy dài theo miệng chiếc cặp. Bên trong phần khóa kéo có hai ngăn, một ngăn to và một ngăn nhỏ, giữa hai ngăn này không có khóa ngăn cách. Mặt trước và mặt sau chiếc cặp đều có ngăn phụ; số tiền: 13.245.000 đồng gồm: 01 tập tiền polime được cố định bằng dây chun màu vàng gồm 99 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Tổng số tiền là 10.450.000 đồng và 01 tập tiền polime được cố định bằng dây chun màu vàng trong có số tiền 2.795.000 đồng gồm 03 tờ tiền 500.000 đồng, 06 tờ tiền 200.000 đồng, 07 tờ tiền 10.000 đồng, 03 tờ tiền 5.000 đồng và 05 tờ tiền 2.000 đồng.

Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Tiên, Nguyễn Thị T đã khai toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. Quá trình Điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Tiên đã trả lại cho người bị hại là anh Đào Văn T chiếc cặp sách màu đen và số tiền 21.945.000đ.

Bản Cáo trạng số 19/CT- VKS ngày 18/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Duy Tiên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị T mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về trách nhiệm dân sự, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận và nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Duy Tiên và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên và Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] *Về hành vi thực hiện tội phạm:* Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, của người làm chứng và vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 19/01/2019, tại thôn Đ, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Đào Văn T trú tại thôn H, xã Q, huyện H, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 8.700.000 đồng trong chiếc cặp sách giả da màu đen anh T để nhờ trên xe ô tô BKS 90A – 062.01 của Nguyễn Thanh L ở thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS). Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy tiên đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ pháp lý.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu

đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, HĐXX cần phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] *Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Từ nhận định trên, nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và đã bị thu hồi. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt theo quy định tại Điều 65 BLHS và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo hiện tại là người thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn và đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, HĐXX thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp pháp luật và thực tế.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra, người bị hại trong vụ án là anh Đào Văn Trung đã nhận lại toàn bộ tài sản của mình và không yêu cầu Nguyễn Thị Thủy phải bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về vật chứng vụ án*: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Tiên xác định: 01 chiếc cặp sách màu đen và số tiền 21.945.000 đồng (gồm số tiền 13.245.000 đồng do anh T tự nguyện giao nộp và số tiền 8.700.000 đồng là số tiền T trộm cắp được của anh T) là tài sản hợp pháp của anh Đào Văn T và đã trả lại cho người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 4.800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng, phía sau có một ốp nhựa dẻo màu trắng, có IMEI 863632039873811, có lắp 02 sim thu giữ của Nguyễn Thị T, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên HĐXX quyết định trả lại bị cáo là phù hợp theo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

[8] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo luật định

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS và điều 106 BLTTHS: Trả lại cho bị cáo T số tiền 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, có IMEI 863632039873811, bên trong có lắp 02 sim phía sau có một ốp nhựa dẻo màu trắng.

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Duy Tiên và chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 19/3/2019. Riêng số tiền đã được chuyển qua tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 19/3/2019).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện Duy Tiên;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải